

Số: *522* /TTr-BCA

Hà Nội, ngày *19* tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế
thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong thời gian vừa qua, Đảng, Nhà nước luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều chủ trương, định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, dân chủ, công bằng, nhân đạo, hiện đại, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận”; “Bảo đảm thể chế hoá đầy đủ, kịp thời đường lối của Đảng, cụ thể hoá Hiến pháp, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân làm trung tâm, bảo đảm Nhân dân làm chủ, kiểm soát quyền lực nhà nước, quản trị quốc gia, hiện đại”

Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV đã nêu: “Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế;” “Tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo.”

Kết luận số 15-KL/TW ngày 30/9/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã nêu nhiệm vụ “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”.

Ngày 12 tháng 11 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 166/2013/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm

hành chính hướng dẫn Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Nghị định đã quy định tương đối cụ thể về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế cũng như thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, tạo cơ sở pháp lý quan trọng và điều kiện thuận lợi cho các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện nghiêm túc các quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Điều 86, Điều 87 và Điều 88 với một số nội dung mới, thay đổi so với Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thời gian qua đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc, nhiều nội dung cần phải bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn như về lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ việc cưỡng chế; về chi phí dành cho công tác cưỡng chế; về cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong tổ chức cưỡng chế và một số bất cập trong các biện pháp cưỡng chế cụ thể;... Một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành như:

(a) Về nội dung quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 chưa được quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP

Chưa quy định chi tiết, hướng dẫn quy định tại điểm c khoản 3 Điều 88 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, chưa có quy định cụ thể về việc phối hợp cung cấp thông tin giữa các tổ chức tín dụng, ngân hàng, chính quyền địa phương các cấp và cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp mở tài khoản đã được quy định tại Điều 16 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, tìm hiểu cho thấy, việc cung cấp thông tin khách hàng (doanh nghiệp) về số tài khoản, số dư của các ngân hàng bị hạn chế bởi quy chế bảo mật thông tin cũng như ràng buộc trong hợp đồng tiền gửi với doanh nghiệp và tiềm ẩn hậu quả đánh mất khách hàng của các ngân hàng trong vai trò là nhà cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, ngân hàng đồng ý phối hợp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước thì trước khi khấu trừ tài khoản ngân hàng phải thông báo và được sự đồng ý của khách hàng doanh nghiệp.

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP quy định: “Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản về tên tổ chức tín dụng, nơi mở tài khoản, số tài khoản của mình tại tổ chức tín dụng khi có yêu cầu”. Tuy nhiên, trường hợp tổ chức, cá nhân cố tình không cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nơi có mở tài khoản thì không có chế tài để xử lý; đồng thời, các tổ chức

tín dụng tại địa phương và ngoài địa phương nơi đối tượng vi phạm cư trú là rất nhiều, dẫn đến khó khăn cho người ban hành quyết định cưỡng chế trong việc xác định cụ thể tổ chức tín dụng nơi tổ chức, cá nhân vi phạm mở tài khoản để yêu cầu cung cấp thông tin.

(b) Về việc thực hiện áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính

Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP quy định: *Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Chỉ áp dụng các biện pháp tiếp theo khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế.*

Thực tế, có những trường hợp, cơ quan, tổ chức khi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa thể xác minh được thu nhập, tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm nhưng vụ việc cần phải tiến hành cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để bảo đảm việc ngăn chặn hậu quả của hành vi vi phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, môi trường... Do vậy, việc phải áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế sẽ không bảo đảm tính khả thi áp dụng trong thực tiễn và gây nhiều vướng mắc, bất cập cho cơ quan, tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Việc thực hiện cưỡng chế theo thứ tự áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Chương 2 Nghị định 166/2013/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế còn bất cập do việc xác định lương hoặc thu nhập, tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm còn mất nhiều thời gian, dẫn đến việc đối tượng vi phạm có khả năng tẩu tán tài sản, tiền gửi trong thời gian tiến hành các thủ tục xác minh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, thực hiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế.

Nhiều trường hợp các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính ở vùng sâu vùng xa nên việc giao quyết định xử phạt và việc nộp tiền phạt còn gặp khó khăn, phải đôn đốc nhiều lần. Các đối tượng chưa thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính phần nhiều đều thuộc các đối tượng không có tài sản, đang thất nghiệp, đang khó khăn về kinh tế nên khó thi hành quyết định hoặc chỉ tạm trú tại địa phương, không có chỗ ở cố định nên khi bị xử phạt thì bỏ trốn; nhiều doanh nghiệp, cá nhân sau khi bị xử phạt đã chấm dứt hoạt động, chuyển đi nơi khác hoặc chủ sở hữu thành lập doanh nghiệp mới không còn hoạt động tại địa chỉ bị xử phạt nên gây khó khăn trong việc đôn đốc thực hiện quyết định.

(c) Về việc kê biên tài sản tương ứng với

Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP quy định: *“Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tương ứng với số tiền đã ghi trong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế”*. Quy định này rất khó thực hiện kê biên tài sản, bởi trên thực tế, các tài sản của người vi phạm thường có giá trị lớn hơn mức tiền phạt, do đó không thể kê biên được, việc áp dụng hình thức này thiếu tính khả thi.

Bên cạnh đó, chưa có quy định về việc kê biên những tài sản đặc thù như: Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm; Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp; Kê biên vốn góp; Kê biên tài sản gắn liền với đất; Kê biên nhà ở; Kê biên phương tiện giao thông; Kê biên hoa lợi.

(d) Về việc đóng hồ sơ khi không thể tổ chức cưỡng chế hoặc cưỡng chế không đủ số tiền cần thu

Chưa có quy định hướng dẫn, biện pháp xử lý tiếp theo đối với những trường hợp đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế nhưng chưa thu đủ số tiền cưỡng chế, và trường hợp nào thì được phép đóng hồ sơ cưỡng chế.

(đ) Về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

Quy định tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) hiện hành quy định 05 biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, gồm: (1) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập; (2) khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm; (3) kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; (4) thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản; (5) buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Trong số 05 biện pháp nêu trên thì có 04 biện pháp đầu tiên là để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tiền và biện pháp cuối cùng là để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt có biện pháp khắc phục hậu quả. Trên thực tế, có những hình thức xử phạt khác như: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn... nhưng Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) chưa có quy định biện pháp cưỡng chế trong trường hợp đối tượng vi phạm không chấp hành quyết định. Trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng có một số biện pháp khắc phục hậu quả mà chủ đầu tư phải liên hệ với cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục hành chính như: Buộc chủ đầu tư trong thời hạn 15 ngày phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra theo quy định, buộc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; buộc lập và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch..., tuy nhiên, tại mục 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP không quy định cưỡng chế thực hiện thi hành biện pháp khắc phục hậu quả mang tính chất hành chính nêu trên...Do vậy, trong quá trình thực hiện, các cơ quan chức năng còn lúng túng khi thực hiện các biện pháp cưỡng chế này.

Ngoài ra, biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng chỉ phù hợp với một số biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đối với nhiều biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định thì không thể áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Nghị định số 166/2013/NĐ-CP là nghị định được Chính phủ ban hành để quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong tất

cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của trong đó có quy định về hành chính trong lĩnh vực thuế và lĩnh Luật Quản lý Thuế trong đó có quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và lĩnh vực hải quan. Điều này dẫn đến tình trạng cùng một vấn đề nhưng lại chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản quy phạm pháp luật và cần thiết phải quy định lại phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

(e) Về việc phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP quy định: *Đối với quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân để phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Việc phân công cơ quan chủ trì phải trên nguyên tắc vụ việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào thì giao cơ quan đó chủ trì; trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để quyết định giao cho một cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.*

Quy định nêu trên chưa bảo đảm rõ ràng dẫn đến hiện nay còn nhiều quan điểm khác nhau khi triển khai thực hiện trên thực tế. Có quan điểm cho rằng, cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải là cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan của người ra quyết định xử phạt; có quan điểm khác lại cho rằng thế tin cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế có thể là cơ quan khác, ví dụ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải là cơ quan tổ chức thực hiện cưỡng chế đối với quyết định cưỡng chế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 166/NĐ-CP quy định đối với quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân để phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Tuy nhiên, nếu giao cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thì gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức cưỡng chế như lực lượng cưỡng chế, bảo đảm trật tự, lập kinh phí cưỡng chế...

Những khó khăn, vướng mắc trong quy định của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP đã dẫn đến tỷ lệ và hiệu quả cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn hạn chế, thậm chí ảnh hưởng đến tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật.

Để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời, để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và thực hiện nghiêm túc Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, thì việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Thẻ chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói chung và thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính nói riêng nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tạo sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ về công tác này trong thời gian tới.

- Tạo hành lang pháp lý nhằm xử lý nghiêm đối với cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Việc xây dựng Nghị định dựa trên những quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống các quy định pháp luật hiện hành.

- Kế thừa có chọn lọc những quy định còn phù hợp của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời bổ sung các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mới được ban hành; khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Bảo đảm tính khả thi của Nghị định, phù hợp với thực tiễn điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xử phạt vi phạm hành chính.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra *quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*, trách nhiệm thi hành và bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

Cụ thể: quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính *quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính*, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính *quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính*, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả *quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính*, trách nhiệm thi hành và bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ

quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

b) Người có thẩm quyền, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành cưỡng chế và tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thi hành cưỡng chế.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Công an – cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đúng, đủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020).

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Bộ Công an đã tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời rà soát các quy định của Nghị định, đối chiếu với quy định của pháp luật và thực tiễn để quy định mới, sửa đổi những quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP cho phù hợp.

3. Tổ chức lấy ý kiến góp ý của Công an các đơn vị, địa phương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với Tờ trình và dự thảo Nghị định; đăng tải dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức và Nhân dân theo quy định.

Bộ Công an đã tổng hợp, phân tích các ý kiến đóng góp để tiếp thu chỉnh lý dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ và gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định (có bảng tổng hợp ý kiến tham gia kèm theo).

4. Ngày/...../2024, Bộ Tư pháp có báo cáo số/BCTĐ-BTP thẩm định dự thảo Nghị định nêu trên.

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến tham gia, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã chỉnh lý dự thảo Nghị định. Đến nay, dự thảo Nghị định đã hoàn chỉnh, đủ điều kiện để trình Chính phủ xem xét, thông qua.

V. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 05 chương, 56 điều với nội dung cơ bản sau:

(a) Chương I. Những quy định chung: gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10)

(b) Chương II. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế: gồm 05 Mục, 36 điều (từ Điều 11 đến Điều 46)

(c) Chương III. Bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế: gồm 04 điều (từ Điều 47 đến Điều 50)

(d) Chương IV. Chi phí cưỡng chế: gồm 03 Điều (từ Điều 51 đến Điều 53)

(đ) Chương V. Điều khoản thi hành: gồm 03 Điều (Điều 54 và Điều 56)

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung cơ bản về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc áp dụng, quy định về đối tượng bị áp dụng trong từng biện pháp cưỡng chế, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế trên cơ sở quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP như sau:

(a) Chương I. Những quy định chung:

Sửa đổi, bổ sung về phạm vi điều chỉnh: quy định cụ thể, chi tiết hơn về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định bao gồm cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Sửa đổi, bổ sung về nguồn tiền khấu trừ và tài sản kê biên đối với đối tượng bị áp dụng cưỡng chế chưa được quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP: khoản 1 bổ sung thêm đối tượng “*đơn vị sự nghiệp công lập không có thu*”; bổ sung khoản 5 quy định nguồn tiền, kê biên tài sản đối với đối tượng cưỡng chế là hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác: “*Đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản chung của hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác; trường hợp tài sản chung không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản của các thành viên trong hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác*”; bổ sung khoản 6 quy định nguồn tiền, kê biên tài sản đối với đối tượng cưỡng chế là cộng đồng dân cư: “*Đối với cộng đồng dân cư thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản chung của cộng đồng dân cư*”

Bổ sung quy định về lập biên bản việc tổ chức, cá nhân bị xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, do thực tiễn thi hành yêu cầu có căn cứ để người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế đối với trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Sửa đổi, bổ sung về trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp bao gồm cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc căn cứ lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương để tổ chức thi hành, giải quyết vướng mắc trong thực tiễn áp dụng với trường hợp Chủ tịch

UBND tỉnh ra quyết định cưỡng chế đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì giao đơn vị nào tổ chức thi hành vì cơ quan hải quan không phải là cơ quan chuyên môn thuộc UBND (Nếu giao cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức thi hành thì về thực tế là không thuận lợi bằng cơ quan hải quan).

Bổ sung quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP chưa có quy định về nội dung này.

Bổ sung quy định về biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định này: nội dung dự thảo Nghị định đáp ứng yêu cầu của thực tiễn thi hành cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính, do đó phát sinh một số biểu mẫu mới chưa được quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, cơ quan soạn thảo đã bổ sung những biểu mẫu mới để tạo thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện khi Nghị định này được ban hành.

(b) Chương II. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế:

- Mục 1. Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập

Sửa đổi, bổ sung về đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập: bổ sung “*viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân*”, và sửa đổi “*cá nhân hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.*”, không áp dụng với các chế độ khác về bảo hiểm xã hội như chế độ tử tuất, chế độ ốm đau, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp...

Bổ sung quy định chi tiết hơn về xác minh thông tin về tiền lương và thu nhập so với quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP: quy định về việc người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có văn bản yêu cầu cá nhân bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin bằng văn bản về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế. Trường hợp tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế thì phải lập biên bản xác minh.

Bổ sung thời hạn ra quyết định cưỡng chế chưa được quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP: *kể từ ngày xác định được thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải ra quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân là “02 ngày làm việc”.*

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ: quy định về thời hạn khấu trừ một phần lương, thu nhập của cá nhân, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP chưa có quy định về nội dung này; quy định về biện pháp xử lý với hành vi không phối hợp cung cấp thông tin và không thực hiện quyết định

cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền, giải quyết vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn thi hành.

- Mục 2. Khấu trừ tiền từ tài khoản:

Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản và xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, thời hạn ra quyết định cưỡng chế, quy định chi tiết nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 88 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP chưa có quy định hướng dẫn nội dung này, trong đó đề xuất phương án Chính phủ quy định về trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước cần phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế để xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đặc biệt, đối với trường hợp chưa có thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm gửi hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng đến các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo danh sách do Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm công bố đầy đủ thông tin liên lạc. Hiện nay, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc về xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức, cần có sự hỗ trợ, phối hợp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước và Kho bạc Nhà nước để tạo thuận lợi cho việc triển khai thi hành.

Bổ sung quy định về chấm dứt phong tỏa tài khoản: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ về việc cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế đã thi hành xong quyết định cưỡng chế thì người ra quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản đề nghị tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang quản lý tài khoản, sổ tiền gửi của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế chấm dứt phong tỏa tài khoản, sổ tiền gửi.

- Mục 3. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá:

Bổ sung quy định về nguyên tắc kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá, sửa đổi quy định về những tài sản không được kê biên, tài sản kê biên của tổ chức; bổ sung quy định về việc cung cấp thông tin bằng văn bản về tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế. Để khắc phục vướng mắc trong việc thực hiện kê biên tài sản mà không có tài sản có giá trị "tương ứng" thì dự thảo Nghị định quy định trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không có tài sản tương ứng với số tiền đủ để thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế thì có thể kê biên nhiều tài sản ít hơn hoặc một tài sản lớn hơn tổng số tiền thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế nếu tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản, đây là nội dung đang vướng mắc rất nhiều trong thực tiễn triển khai thi hành quyết

định cưỡng chế tại địa phương, người có thẩm quyền cưỡng chế cần được mở rộng “phạm vi” kê biên tài sản ít hơn và tài sản lớn hơn tổng số tiền thi hành quyết định xử phạt để đảm bảo quyết định cưỡng chế được thi hành.

Bổ sung quy định về kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm; kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp; kê biên vốn góp; kê biên tài sản gắn liền với đất; kê biên nhà ở; kê biên phương tiện giao thông; kê biên hoa lợi, tạo thuận lợi trong triển khai thực hiện kê biên với những tài sản đặc thù.

- Mục 4. Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản: bỏ quy định về việc áp dụng thực hiện cưỡng chế theo thứ tự áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Chương 2 Nghị định 166/2013/NĐ-CP để thống nhất với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời tạo thuận lợi, linh hoạt trong việc áp dụng pháp luật. Thực tế việc xác định lương hoặc thu nhập, tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm còn mất nhiều thời gian, dẫn đến việc đối tượng vi phạm có khả năng tẩu tán tài sản, tiền gửi trong thời gian tiến hành các thủ tục xác minh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, thực hiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế.

- Mục 5. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: bổ sung quy định về biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, đây là nội dung quy định mới, nhằm giải quyết vướng mắc trong thực tiễn thi hành các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trên nhiều lĩnh vực khác nhau thì áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khác nhau, phù hợp với từng lĩnh vực và chuyên môn của cơ quan Nhà nước được giao quản lý. Nội dung quy định này khắc phục vướng mắc về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và lĩnh vực hải quan vừa được điều chỉnh tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP vừa được điều chỉnh tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý Thuế.

(c) Chương III. Bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế hành chính

Bổ sung quy định Quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt: Trường hợp đã tiến hành xác minh mà có căn cứ xác định chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế ban hành quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 50 dự thảo Nghị định.

Quy định này nhằm giải quyết vướng mắc thực tiễn thi hành hiện nay nhiều trường hợp các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính ở vùng sâu vùng xa nên việc giao quyết định xử phạt và việc nộp tiền phạt còn gặp khó khăn, phải đôn đốc nhiều lần. Các đối tượng chưa thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phần nhiều đều thuộc các đối tượng không có tài sản, đang thất nghiệp, đang khó khăn về kinh tế nên khó thi hành quyết định hoặc chỉ tạm trú tại địa phương, không có chỗ ở cố định nên khi bị xử phạt thì bỏ trốn; nhiều

doanh nghiệp, cá nhân sau khi bị xử phạt đã chấm dứt hoạt động, chuyển đi nơi khác hoặc chủ sở hữu thành lập doanh nghiệp mới không còn hoạt động tại địa chỉ bị xử phạt nên gây khó khăn trong việc đôn đốc thực hiện Quyết định.

(d) *Chương IV. Chi phí cưỡng chế hành chính:* quy định về xác định chi phí cưỡng chế; tạm ứng, hoàn trả chi phí cưỡng chế; thanh toán chi phí cưỡng chế. Bổ sung chi phí cưỡng chế bao gồm chi phí bồi dưỡng cho những người trực tiếp thực hiện, tham gia thực hiện quyết định cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế.

(đ) *Chương V. Điều khoản thi hành:* quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định; điều khoản chuyển tiếp; trách nhiệm thi hành của các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc thi hành Nghị định.

Đối với cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính mà đang xem xét, giải quyết, ra quyết định cưỡng chế trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà chưa tổ chức thi hành cưỡng chế, thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.

Đối với quyết định cưỡng chế đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế còn khiếu nại, thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Về bảo đảm nguồn nhân lực

Nội dung dự thảo Nghị định có sự kế thừa các quy định có tính ổn định, đã được thực tế kiểm nghiệm của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP, chỉ quy định mới và sửa đổi, bổ sung các quy định phát sinh những vướng mắc, bất cập và giải quyết những khó khăn trong quá trình cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Những quy định trong dự thảo Nghị định về cơ bản không làm phát sinh thêm các yêu cầu nguồn nhân lực để thực hiện, có thể tiếp tục sử dụng và duy trì bộ máy tổ chức tại các cơ quan có thẩm quyền quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, cơ quan của người có thẩm quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Về bảo đảm nguồn tài chính

Nguồn tài chính được bố trí từ ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, gồm: Biên soạn tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng

Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ và nhân dân; biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế, cán bộ, công chức, chiến sĩ thực thi những quy định thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, nội dung, chế độ, định mức chi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước.

Trên đây là Tờ trình về Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo hồ sơ xây dựng dự án Nghị định gồm:

- (1) Dự thảo Nghị định;
- (2) Báo cáo tổng kết tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- (3) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng Nghị định;
- (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu, ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- (5) Bản thuyết minh chi tiết những nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Đ/c Bộ trưởng;
- Các đồng chí Thứ trưởng BCA;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLHC(TM).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trung tướng Nguyễn Văn Long

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp khẩn cấp (sau đây gọi chung là cưỡng chế), chi phí cưỡng chế, trách nhiệm thi hành và bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trên lãnh thổ Việt Nam mà không tự nguyện chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Người có thẩm quyền, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành cưỡng chế và tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thi hành cưỡng chế.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền.
2. Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.
3. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế
4. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và cá nhân, tổ chức khác có liên quan trong cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nguồn tiền khấu trừ và tài sản kê biên đối với tổ chức, hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác, cộng đồng dân cư bị áp dụng biện pháp cưỡng chế

1. Đối với tổ chức là cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập không có thu được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền và trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế thì phải tự bảo đảm nguồn tiền để thi hành quyết định cưỡng chế.
2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu, đơn vị vũ trang được tổ chức các hoạt động có thu theo quy định của pháp luật, khi bị khấu trừ tiền, kê biên tài sản và trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế thì lấy từ nguồn thu và tài sản do các hoạt động này mang lại;
3. Đối với tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản của tổ chức, quỹ đó.
4. Đối với doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản hoặc thu nhập bằng tiền, tài sản của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã đó.
5. Đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản chung của hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác; trường hợp tài sản chung không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản của các thành viên



trong hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác hoặc pháp luật có liên quan quy định khác.

6. Đối với cộng đồng dân cư thì khấu trừ tiền, kê biên tài sản, trả chi phí cho hoạt động cưỡng chế từ tiền, tài sản chung của cộng đồng dân cư.

Điều 5. Lập biên bản việc cá nhân, tổ chức bị xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, không hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

1. Trong quá trình theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà phát hiện cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi đã hết thời hạn thi hành, không hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, kể từ ngày hết thời hạn thi hành được nêu trong quyết định thì đại diện cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt đề tổ chức thi hành tiến hành lập biên bản về việc cá nhân, tổ chức vi phạm không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả với sự chứng kiến của cá nhân vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm.

Trường hợp cá nhân vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản thì phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi lập biên bản hoặc có ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc tổ chức, cá nhân vi phạm không ký vào biên bản.

2. Biên bản phải ghi rõ thời gian cụ thể về giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; căn cứ lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; tên, địa chỉ, kết quả chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân vi phạm; ý kiến của tổ chức, cá nhân vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

3. Biên bản nêu tại khoản 1 Điều này là căn cứ để xác định đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính cố tình trốn tránh, trì hoãn việc chấp hành quyết định đã có hiệu lực, là một trong những căn cứ để người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

Điều 6. Gửi quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế phải gửi quyết định cưỡng chế cho cá nhân, tổ



chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế và cá nhân, tổ chức có liên quan.

Trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp quy định tại điểm b, c và d khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính thì quyết định cưỡng chế phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế trước khi thi hành để phối hợp thực hiện.

2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm.

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cố tình không nhận thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại quyết định cưỡng chế đã được cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng cá nhân, tổ chức, bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

2. Đối với quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, tổ chức hành chính khác ở địa phương, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc, địa bàn quản lý của Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc căn cứ lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương để phân công cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Việc phân công cơ quan chủ trì phải trên nguyên tắc vụ việc thuộc lĩnh vực chuyên môn, địa bàn quản lý của cơ quan nào thì giao cơ quan đó chủ trì, hoặc để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực địa bàn; trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều cơ quan thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để quyết định giao cho một cơ quan (có nội dung chủ yếu thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc địa bàn quản lý) chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

3. Trường hợp cần thiết phối hợp, huy động nhiều cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng có liên quan, cơ quan chủ trì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt.



4. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc cơ quan được giao chủ trì tổ chức cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thi hành quyết định cưỡng chế. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp phải được quy định cụ thể tại kế hoạch cưỡng chế.

Điều 8. Bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế

1. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế khi được phân công hoặc yêu cầu.

Trường hợp có yêu cầu lực lượng Công an nhân dân tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan Công an cùng cấp ít nhất 05 ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

2. Khi tham gia cưỡng chế, lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn, ngăn chặn, xử lý các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ tại khu vực thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 9. Tạm đình chỉ, đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị tạm đình chỉ thực hiện khi có quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tổ tụng hành chính hoặc người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải ra quyết định đình chỉ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp sau đây:

a) Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt tiền hoặc chi trả chi phí khắc phục hậu quả chết, mất tích không để lại di sản hoặc theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế;

b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện bị hủy bỏ, sửa đổi mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không phải thi hành quyết định đó nữa;

c) Tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đã giải thể, phá sản không còn tài sản mà theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của họ không được chuyển giao cho tổ chức khác;



d) Có quyết định miễn tiền phạt hoặc giảm tiền phạt mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không phải thi hành quyết định xử phạt đó nữa;

đ) Trường hợp hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ là 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Việc gửi quyết định tạm đình chỉ, quyết định tạm đình chỉ thực hiện theo quy định tại Điều 6 7 Nghị định này. Thời hạn tạm đình chỉ phù hợp với thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Thời gian tạm đình chỉ được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 10. Biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định

Ban hành kèm theo Nghị định này một số biểu mẫu biên bản, quyết định thực hiện trong cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Biên bản về việc cá nhân, tổ chức xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không hoàn trả hoặc hoàn trả không đầy đủ kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (MBB31a).

2. Biên bản về việc cá nhân, tổ chức bị xử phạt không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (MBB31b).

3. Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (MQĐ43).

4. Quyết định đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (MQĐ44).

5. Quyết định về việc chưa có điều kiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt (MQĐ45).

6. Quyết định chấm dứt tạm đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (MQĐ46).

7. Quyết định chấm dứt cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt (MQĐ47).

8. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ số tiền gửi (MQĐ48).

9. Mẫu Giấy biên nhận (GBN01).

CÁC BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ

Mục 1

KHẤU TRỪ MỘT PHẦN LƯƠNG HOẶC MỘT PHẦN THU NHẬP

Điều 11. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập

1. Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Cơ yếu; cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc có thu nhập theo mùa vụ ngắn hạn do hộ gia đình, hộ kinh doanh, người sử dụng lao động thuê.

2. Cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đang được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

Điều 12. Xác minh thông tin về tiền lương và thu nhập

1. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng được hưởng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để làm căn cứ ra quyết định cưỡng chế.

Việc xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải được lập thành biên bản xác minh.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn mà cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành có văn bản yêu cầu cá nhân bị cưỡng chế, cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có) phải cung cấp thông tin bằng văn bản về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

3. Cá nhân bị cưỡng chế; cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày



nhận được văn bản yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

Điều 13. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, căn cứ vào điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải ra quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân.

Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế tiến hành xác minh cùng lúc về tiền và tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thì thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày xác định được thông tin về tiền và tài sản của cá nhân, tổ chức đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân phải bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, số căn cước công dân/số căn cước địa chỉ của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế; số tiền bị khấu trừ; lý do khấu trừ; tên, số tài khoản của Kho bạc Nhà nước nhận tiền; thời gian thực hiện; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

Điều 14. Tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế

Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có thể tiến hành nhiều lần, tỷ lệ như sau:

1. Đối với tiền lương, lương hưu tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, lương hưu thực trả hằng tháng được hưởng sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

2. Đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập hằng tháng.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ



1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương, lương hưu hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quyết định cưỡng chế của người ra quyết định cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đến kỳ lĩnh tiền lương hoặc thu nhập gần nhất, cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương, lương hưu hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế có trách nhiệm khấu trừ một phần lương, lương hưu hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ đến tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo nội dung ghi trong quyết định cưỡng chế, đồng thời thông báo cho cá nhân bị cưỡng chế và người ra quyết định cưỡng chế biết.

3. Trường hợp chưa khấu trừ đủ số tiền theo quyết định cưỡng chế mà cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đã chấm dứt hợp đồng có hưởng lương hoặc thu nhập thì cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động phải thông báo ngay cho người ra quyết định cưỡng chế biết.

4. Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập cố tình không phối hợp cung cấp thông tin hoặc không thi hành quyết định cưỡng chế khấu trừ của cơ quan có thẩm quyền thì được xem là có hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi thu tiền, Kho bạc Nhà nước nơi nhận tiền khấu trừ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

Mục 2 **KHẤU TRỪ TIỀN TỪ TÀI KHOẢN**

Điều 16. Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản là tổ chức, cá nhân không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, không thanh toán hoặc thanh toán chưa đủ kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, chi phí cưỡng chế mà có mở tài khoản hoặc tiền gửi tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 17. Xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế



1. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm cung cấp cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về tài khoản, tiền gửi của mình tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Việc xác minh thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trực tiếp tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước phải được lập thành biên bản xác minh.

2. Trường hợp chưa có thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thì việc xác minh thông tin thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn mà cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành gửi hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng đề nghị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. Văn bản yêu cầu phải ghi rõ các thông tin cần cung cấp như tên, số căn cước công dân/số căn cước, địa chỉ, số tài khoản hoặc số sổ tiền gửi, số tiền có trong tài khoản hoặc sổ tiền gửi và các thông tin cần thiết khác.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước có văn bản chỉ đạo các tổ chức, chi nhánh trực thuộc (nếu có), cơ quan Kho bạc Nhà nước ở địa phương cung cấp thông tin kèm theo văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản chỉ đạo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các tổ chức, chi nhánh trực thuộc, cơ quan Kho bạc Nhà nước ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin gửi về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước tập hợp.

d) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chuyển thông tin cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin từ tổ chức, chi nhánh trực thuộc, cơ quan Kho bạc Nhà nước ở địa phương.



3. Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nhưng chưa đầy đủ thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế gửi hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng đến tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

4. Người được cung cấp thông tin quy định tại Điều này có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp.

5. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm công bố danh sách các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; danh sách phải được cập nhật thông tin thường xuyên và bao gồm các trường thông tin cần công bố rõ ràng và đầy đủ bao gồm: tên tổ chức tín dụng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, email.

Điều 18. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tài khoản, tiền gửi, căn cứ vào điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; số tiền bị khấu trừ, lý do khấu trừ; họ tên, số tài khoản, số số tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị khấu trừ; yêu cầu phong tỏa tài khoản, tiền gửi tên, địa chỉ tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi đối tượng bị áp dụng khấu trừ mở tài khoản, số tiền gửi; tên, số tài khoản của Kho bạc Nhà nước nhận số tiền cưỡng chế; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu cơ quan ra quyết định.

3. Sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể xác minh thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.



Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế mở tài khoản, sổ tiền gửi

1. Cung cấp thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng của người có thẩm quyền cưỡng chế theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tiền gửi, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải phong tỏa sổ tiền trong tài khoản, sổ tiền gửi tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản, sổ tiền gửi trong trường hợp số dư trong tài khoản, sổ tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải nộp và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế biết việc phong tỏa và trích chuyển số tiền trong tài khoản, sổ tiền gửi.

3. Ngay sau khi hết thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế biết việc phong tỏa và trích chuyển số tiền trong tài khoản, sổ tiền gửi, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải trích chuyển số tiền phải nộp từ tài khoản, sổ tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế để nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam không cung cấp thông tin, phong tỏa, trích chuyển tiền từ tài khoản, sổ tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thì được xem là có hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi thu tiền, Kho bạc Nhà nước nơi nhận tiền trích chuyển có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

Điều 20. Chấm dứt phong tỏa tài khoản

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thi hành xong quyết định cưỡng chế hoặc ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang quản lý tài khoản, sổ tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế hoặc thông báo bằng văn bản của Kho bạc Nhà nước nơi nhận được tiền trích chuyển đã thực hiện khấu trừ đủ số tiền theo yêu cầu của người ra quyết định cưỡng chế về khấu trừ tiền trong tài khoản thì người ra quyết định cưỡng chế phải gửi văn bản đề nghị tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang quản



lý tài khoản, số tiền gửi của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế chấm dứt phong tỏa tài khoản, số tiền gửi.

2. Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang quản lý tài khoản, số tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thực hiện chấm dứt phong tỏa tài khoản, số tiền gửi ngay khi nhận được văn bản đề nghị chấm dứt phong tỏa tài khoản, số tiền gửi và thông báo bằng văn bản việc chấm dứt phong tỏa tài khoản, số tiền gửi cho người ra quyết định cưỡng chế và cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt phong tỏa tài khoản, số tiền gửi.

Mục 3 **KÊ BIÊN TÀI SẢN CÓ GIÁ TRỊ** **TƯƠNG ỨNG VỚI SỐ TIỀN PHẠT ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ**

Điều 21. Nguyên tắc kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá

1. Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế tương ứng với số tiền đủ để thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không có tài sản tương ứng với số tiền đủ để thi hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và dự kiến chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế thì có thể kê biên nhiều tài sản ít hơn hoặc một tài sản lớn hơn tổng số tiền thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế nếu tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản.

2. Không được kê biên các tài sản quy định tại Điều 22 Nghị định này.

3. Kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói được thực hiện như sau:

Khi kê biên đồ vật đang bị khóa hoặc đóng gói thì người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế yêu cầu cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý đồ vật mở khóa, mở gói; nếu họ không mở hoặc cố tình vắng mặt thì người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khóa, phá khóa hoặc mở gói, trong trường hợp này phải có người làm chứng. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế phải chịu thiệt hại do việc mở khóa, phá khóa, mở gói.



Trường hợp cần thiết, sau khi mở khóa, phá khóa, mở gói, người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế niêm phong đồ vật bị kê biên.

Việc mở khóa, phá khóa, mở gói hoặc niêm phong phải lập biên bản, có chữ ký của người tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế, cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và những người liên quan; trường hợp cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không ký biên bản thì phải có chữ ký của người chứng kiến.

4. Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ; không tổ chức kê biên tài sản vào các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Những tài sản không được kê biên

1. Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu, lợi ích công cộng; vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tài sản có chứa chất phóng xạ; chất cháy, chất độc.

2. Tài sản sau đây của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là cá nhân:

a) Nhà ở duy nhất của cá nhân và gia đình người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và gia đình họ sử dụng.

c) Công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết cho cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế và gia đình họ sử dụng.

d) Đồ dùng thờ cúng; di vật, huân chương, huy chương, bằng khen.

đ) Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm.

3. Tài sản sau đây của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là tổ chức:

a) Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn của người lao động.

b) Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh.

c) Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.

Điều 23. Xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên



1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn mà cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt yêu cầu cá nhân, tổ chức hoàn trả kinh phí đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định cưỡng chế để tổ chức thi hành có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế kê biên, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bị xử phạt, thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Việc xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên phải được lập thành biên bản xác minh.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tài sản và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin bằng văn bản về tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc tổ chức tiến hành xác minh thông tin về tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khi nhận được văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan không cung cấp thông tin về tài sản của đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thì được xem là có hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thông tin về tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, căn cứ vào điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản bao gồm những nội dung cơ bản sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị người ra quyết định; họ tên, nơi cư trú, trụ sở của cá nhân, tổ chức bị kê biên tài sản; lý do kê biên tài sản; số tiền bị xử phạt, thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, chi phí tổ chức thực hiện cưỡng chế; địa điểm kê biên; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

3. Việc kê biên tài sản phải được thông báo cho cá nhân, tổ chức bị kê biên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bị kê biên hoặc tổ chức có trụ sở



đóng trên địa bàn trước khi tiến hành cưỡng chế kê biên ít nhất 05 ngày làm việc, trừ trường hợp việc thông báo sẽ gây trở ngại cho việc tiến hành kê biên.

Điều 25. Tổ chức thi hành cưỡng chế kê biên tài sản

1. Người ra quyết định cưỡng chế hoặc người được phân công thực hiện quyết định cưỡng chế chủ trì thực hiện việc kê biên.

2. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc cha, mẹ, người giám hộ, đại diện tổ chức bị kê biên tài sản.

Trường hợp cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc đại diện hợp pháp của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế, người đồng sở hữu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản bị kê biên vắng mặt thì có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.

Nếu cá nhân phải thi hành quyết định cưỡng chế hoặc người thành niên trong gia đình, đại diện tổ chức bị kê biên tài sản cố tình vắng mặt hoặc có mặt nhưng cản trở việc kê biên, thì vẫn tiến hành kê biên tài sản nhưng phải có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc ít nhất 01 người chứng kiến.

3. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, người được giao chủ trì kê biên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến việc cưỡng chế.

Nếu cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không đề nghị cụ thể việc kê biên tài sản nào trước thì tài sản thuộc sở hữu riêng được kê biên trước.

4. Chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu chung của cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế với người khác nếu cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên, cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho người đồng sở hữu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản bị kê biên để những người này biết và có thể đến tham dự. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 26. Biên bản kê biên tài sản

1. Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; họ tên, chức vụ người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến hoặc đại



diện Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có); mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.

2. Người chủ trì thực hiện việc kê biên, người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ, người chứng kiến hoặc đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) ký tên vào biên bản. Biên bản kê biên tài sản có nhiều tờ trang thì phải ký vào từng trang biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

3. Biên bản kê biên được lập thành 02 bản, cơ quan chủ trì việc kê biên giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị kê biên ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.

Trường hợp cá nhân hoặc đại diện tổ chức không nhận biên bản bị kê biên không nhận biên bản kê biên thì lập biên bản ghi nhận lại sự việc, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người chứng kiến, biên bản được coi là đã giao.

Trường hợp cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị kê biên vắng mặt, không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình thì cơ quan chủ trì việc kê biên gửi biên bản kê biên qua đường bưu điện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

Điều 27. Kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, người chủ trì việc kê biên có văn bản yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.

2. Sau khi kê biên, người chủ trì việc kê biên thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản đó để xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trong cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

a) Cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký cho người chủ trì việc kê biên theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tạm dừng hoặc dừng việc thực hiện các yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản của người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đăng ký tại cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm ngay sau khi nhận được yêu cầu của người chủ trì kê biên, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế;

